

Số: **95** /BC-BVHXH

Quảng Trị, ngày **15** tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

**Thẩm tra các báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh
trình tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, HĐND tỉnh khóa IX**

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra đối với **01** Báo cáo, **15** tờ trình và dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp; kết quả thẩm tra như sau:

I. THẨM TRA BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Về kết quả đạt được

Ban Văn hóa - Xã hội cơ bản thống nhất với nhận định, đánh giá của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026. Trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và triển khai đồng thời nhiều chủ trương, quy định mới mang tính đột phá của Trung ương, do đó bước đầu có nhiều khó khăn nhất định; song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tích cực, quyết liệt, linh hoạt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, toàn diện.

Ngành giáo dục tiếp tục triển khai hiệu quả, đồng bộ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các cấp học, chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng lên; giáo dục mũi nhọn giữ vững thành tích¹; chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học; ngành đã có nhiều nỗ lực trong công tác tuyển dụng giáo viên, góp phần khắc phục tình trạng thiếu giáo viên tại các cơ sở giáo dục²; việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đầu tư cơ sở vật chất ở miền núi, vùng sâu vùng xa được quan tâm tập trung thực hiện. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả; hoàn thành việc sắp xếp lại mạng lưới y tế cơ sở, tổ chức lại Trạm y tế theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã và đi vào hoạt động từ 01/4/2026. Các hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội phục vụ các nhiệm vụ chính trị của quê hương, đất nước diễn ra sôi nổi, tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn như chương trình nghệ thuật “Bản Hùng ca trên sông”, các hoạt động trong khuôn khổ Lễ hội Vì Hòa bình năm 2026,... Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa du lịch được tăng cường, thực hiện phân cấp mạnh mẽ trong quản lý các di tích, hoàn thiện tổ chức sắp xếp các đơn vị trực thuộc và cải cách hành

¹ Giáo dục mũi nhọn khẳng định vị thế với 114 học sinh đoạt giải quốc gia

² Đã tổ chức thi tuyển và tuyển dụng được 415 giáo viên các cấp học.

chính. Hoạt động du lịch duy trì đà tăng trưởng tích cực, tổng thu từ du lịch ước đạt 6.468 tỷ, tăng 15,6% so với cùng kỳ. Các chính sách an sinh xã hội, ưu đãi người có công, giải quyết việc làm, giảm nghèo được thực hiện đảm bảo, kịp thời; triển khai quyết liệt “Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác minh danh tính hài cốt liệt sỹ”. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực có chuyển biến, góp phần tích cực để phục vụ người dân, doanh nghiệp và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số hạn chế, khó khăn

- Điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục còn nhiều khó khăn, nhất là tình trạng thiếu giáo viên và cơ sở vật chất trường học. Toàn tỉnh còn thiếu hơn 3.300 biên chế so với định mức quy định. Tỷ lệ phòng học kiên cố mới đạt khoảng 78,9%; còn 1.094 phòng học tạm chưa đảm bảo; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với chỉ tiêu đặt ra (đạt 62,2%/69% chỉ tiêu năm 2026). Công tác tuyển sinh vào lớp 10 vẫn còn tạo áp lực tâm lý lớn đối với học sinh, phụ huynh và thầy cô giáo. Công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp còn nhiều khó khăn, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Một số Trung tâm GDNN-GDTX hoạt động chưa hiệu quả, nhiều năm liền tuyển sinh không có học sinh phổ thông hoặc không đủ số lượng học sinh phổ thông và học nghề.

- Nguồn nhân lực y tế có chất lượng còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu theo định mức quy định, tỷ lệ bác sĩ/vạn dân hiện nay mới đạt khoảng 11,4 bác sĩ/vạn dân. Công tác thu hút, bố trí bác sĩ về làm việc tại các trạm y tế vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn; một số Trạm y tế cấp xã thiếu bác sĩ theo định mức quy định, thiếu trang thiết bị y tế, trong khi phải thực hiện nhiều nhiệm vụ mới, được phân cấp, phân quyền sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; việc triển khai bệnh án điện tử, chuyển đổi số trong y tế còn khó khăn.

- Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch ở một số địa phương còn nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực văn hóa ở cơ sở phần lớn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn kinh phí phục vụ công tác điều tra, khảo sát, lập hồ sơ khoa học và quản lý di tích còn hạn chế so với yêu cầu thực tiễn. Một số thiết chế văn hóa sau sáp nhập đơn vị hành chính chưa được khai thác hiệu quả. Sản phẩm du lịch chưa đa dạng, sức cạnh tranh chưa cao, hạ tầng kết nối giao thông các điểm du lịch và dịch vụ du lịch chưa đáp ứng yêu cầu. Vẫn còn một số cơ sở kinh doanh nâng giá dịch vụ phòng nghỉ, ăn uống, thái độ phục vụ tại một số điểm du lịch trong thời gian cao điểm chưa tốt đã phần nào ảnh hưởng đến thương hiệu du lịch của tỉnh³; chuỗi cung ứng và năng lực phục vụ khách du lịch còn hạn chế.

³Dư luận phản ánh chặt chẽ khách du lịch, nhà vệ sinh tại các bãi tắm không đảm bảo.

- Chất lượng đào tạo nghề có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động; công tác giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động, nhất là lao động nông thôn còn khó khăn. Kết quả giảm nghèo ở một số địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn cao; nhiều mô hình hỗ trợ sinh kế cho người dân chưa thực sự hiệu quả.

- Hạ tầng công nghệ thông tin còn thiếu đồng bộ. Nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực cốt lõi như công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và an toàn thông tin còn thiếu. Việc chia sẻ, kết nối và khai thác dữ liệu giữa các sở, ngành, địa phương chưa hiệu quả, chất lượng phục vụ dịch vụ công trực tuyến có nơi chưa đạt yêu cầu. Quy mô doanh nghiệp khoa học công nghệ còn nhỏ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Toàn tỉnh vẫn còn 09 thôn bản chưa có băng rộng di động, 70 thôn bản chưa có băng rộng cố định tại các xã miền núi.

3. Về nhiệm vụ, giải pháp trên lĩnh vực hóa - xã hội 6 tháng cuối năm 2026

Ban Văn hóa - Xã hội cơ bản thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026 trên lĩnh vực văn hóa - xã hội như Báo cáo và dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh, Ban đề nghị HĐND tỉnh xem xét bổ sung một số nội dung vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trên các lĩnh vực như sau:

3.1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế đã được chỉ ra; thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, nhất là các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội còn đạt thấp hoặc có khả năng không hoàn thành, kịp thời có giải pháp tháo gỡ khó khăn, bảo đảm hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết của HĐND tỉnh đã đề ra⁴.

3.2. Tập trung chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt công tác sắp xếp mạng lưới trường, lớp theo chỉ đạo của Chính phủ, đồng thời gắn với việc chuẩn bị chu đáo về điều kiện cơ sở vật chất, bố trí hợp lý, hiệu quả đội ngũ giáo viên tại các điểm trường sau sáp nhập đáp ứng yêu cầu dạy và học cho năm học 2026 - 2027 bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh. Cùng với đó thực hiện việc rà soát, đánh giá lại hoạt động của các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, xem xét sáp nhập các trung tâm hoạt động không hiệu quả⁵; rà soát lại đội ngũ giáo viên dạy nghề ở các Trung tâm GDNN-GDTX; xem xét điều chuyển hợp lý

⁴Như tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ bác sỹ/vạn dân.

⁵Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo: Có 04 Trung tâm GDNN - GDTX hoạt động không hiệu quả, không tuyển sinh được học viên hoặc không tổ chức được các lớp học văn hóa (Trung tâm GDNN-GDTX Cam Lộ, Trung tâm GDNN-GDTX Triệu Phong, Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Trị, Trung tâm GDTX-Tin học, ngoại ngữ tỉnh) và đa số các Trung tâm GDNN - GDTX đều hoạt động cầm chừng do thiếu hụt người học.

đội ngũ giáo viên dạy văn hóa, dạy nghề có chuyên môn phù hợp đang dồi dư (như dạy các môn văn hóa, môn tin học) để bổ sung cho các trường phổ thông còn thiếu.

Quan tâm chỉ đạo bố trí nguồn lực bảo đảm mục tiêu Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo tối thiểu dành 20% tổng chi ngân sách cho giáo dục, trong đó ít nhất 5% dành cho đầu tư phát triển để xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 ưu tiên đầu tư đối với các trường học để đạt chuẩn quốc gia và các trường đã hết thời hạn công nhận nhưng chưa đủ điều kiện công nhận lại, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các trường nội trú liên cấp tại vùng biên giới bảo đảm đúng thời gian quy định.

Thực hiện đánh giá toàn diện công tác tổ chức tuyển sinh lớp 10 để có giải pháp về phương án tuyển sinh giảm bớt áp lực tâm lý cho học sinh, nhà trường và xã hội. Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách địa phương thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo để xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời, đúng quy định, phù hợp với tình hình trước khi bước vào năm học 2026 - 2027.

3.3. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, khám chữa bệnh ở tất cả các tuyến từ tỉnh đến cơ sở; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người dân đảm bảo kế hoạch đề ra năm 2026. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư, hóa chất, sinh phẩm phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế, nhất là đối với Trạm y tế cấp xã. Tổ chức thực hiện kịp thời Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ thu hút, đãi ngộ, đào tạo nguồn nhân lực y tế tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 và các nghị quyết khác trên lĩnh vực y tế ngay sau khi được HĐND tỉnh ban hành. Đẩy nhanh tiến độ triển khai “*Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin để triển khai bệnh án điện tử tại các Trạm y tế*” để hoàn thành lộ trình thực hiện bệnh án điện tử từ ngày 01/01/2027. Khẩn trương hoàn thiện mô hình tổ chức, đội ngũ nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh; xây dựng cơ chế phối hợp giữa UBND cấp xã với ngành y tế về hoạt động đối với Trạm Y tế sau sáp nhập bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả, phát huy vai trò chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể,... Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác dân số, y tế trong giai đoạn mới khi chuyển trọng tâm từ chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình sang chính sách dân số và phát triển.

3.4. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Quá trình tổ chức thực hiện các nguồn vốn đảm bảo hiệu quả, chặt chẽ; đổi mới công tác quản lý nhà nước về văn hóa theo hướng kiến tạo, phục vụ. Thực hiện rà soát, hoàn thiện và ban hành chính sách mang tính đột phá nhằm thúc đẩy phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 30/6/2026 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giai đoạn 2026 - 2030. Tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với văn hóa, lịch sử và tài nguyên thiên nhiên của địa phương; tăng cường xúc tiến, quảng bá, liên kết phát triển du lịch vùng và thu hút đầu tư vào hạ tầng du lịch. Duy trì, phát triển thể dục thể thao quần chúng, nâng cao chất lượng thể thao thành tích cao. Tăng cường quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản, thông tin điện tử và thông tin cơ sở.

3.5. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công cách mạng, bảo trợ xã hội; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; quan tâm xây dựng các mô hình phát triển sinh kế bền vững cho người dân. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động; nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm, nhất là lao động ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và lao động sau đào tạo. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống các tệ nạn xã hội. Triển khai chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho đối tượng con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bảo đảm theo kế hoạch.

3.6. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo đồng bộ, liên thông, kết nối từ tỉnh đến xã. Có giải pháp xóa trắng sóng tại 09 thôn bản và 70 thôn bản chưa có băng rộng cố định trong thời gian sớm nhất. Tập trung triển khai các dự án đầu tư công lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả, góp phần đóng góp vào tăng trưởng 2 con số của tỉnh và tạo ra sản phẩm cụ thể để phục vụ người dân, doanh nghiệp. Rà soát, thẩm định danh mục dự án khoa học công nghệ, chuyển đổi số kịp thời trình HĐND tỉnh xem xét thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2027. Chú trọng tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin. Có giải pháp cụ thể để nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI), chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII).

II. THẨM TRA TỜ TRÌNH VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT (15 nghị quyết)

1. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1.1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết

Tại điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh: “c) *Bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.*”.

Tại khoản 4 Điều 8 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương (NSTW) và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 quy định: “4. *Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: ...các địa phương xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho cấp xã...*”;

Để việc phân bổ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 được thực hiện kịp thời trong năm 2026, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

1.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Nội dung Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết đã quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc phân bổ vốn, tiêu chí phân bổ vốn, định mức phân bổ vốn, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương trên cơ sở bám sát quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg và đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Nguyên tắc xác định bảo đảm chặt chẽ, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững các nội dung nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa. Tiêu chí phân bổ đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm địa bàn, điều kiện dân số, diện tích của tỉnh.

- Định mức phân bổ vốn phân chia 02 nguồn vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp gắn với thực tiễn nguồn vốn dự kiến được phân bổ giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh (trong đó dự kiến dự án xây dựng bảo tàng “Ký ức chiến tranh và Khát vọng hòa bình” với tổng vốn 1.000,000 triệu đồng). Đối với vốn sự nghiệp trên cơ sở dự

kiến chi thường xuyên ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2026 - 2030 có hơn 70% trong vốn sự nghiệp Trung ương giao cho tỉnh chủ yếu phục vụ cho đối tượng thụ hưởng là cấp xã, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao.

- Tỷ lệ vốn đối ứng do ngân sách tỉnh thực hiện, bảo đảm quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 (Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% đến dưới 60%: Hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 20% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương).

Quá trình thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội đã đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung và đã được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa. Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị HĐND tỉnh xem xét thống nhất thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

2. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp năm 2026 nguồn NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

2.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương (NSTW) và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 quy định:

Tại khoản 4 Điều 3: “*Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương*”.

Tại khoản 2 Điều 6: “*Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo và điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng phương án phân bổ vốn cụ thể cho các cấp (tỉnh,*

xã) để thực hiện các nội dung của Chương trình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

Ngày 11/6/2026, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1039/QĐ-TTg giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các Bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 -2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 (tỉnh Quảng Trị được phân bổ 220.234 triệu đồng, trong đó: nguồn vốn đầu tư công 150.000 triệu đồng; nguồn vốn sự nghiệp 70.234 triệu đồng).

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết về phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp năm 2026 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

2.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội có ý kiến như sau:

a) Về nguyên tắc phân bổ: Đã tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc phân bổ bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Về phương án phân bổ vốn: Tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg tỉnh được giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá năm 2026 là 220.234 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư công là 150.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 70.234 triệu đồng, tuy nhiên, đến nay Trung ương chưa có Quyết định về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm đối với chương trình mục tiêu. Vì vậy, để vừa đảm bảo chấp hành quy định pháp luật về đầu tư công, vừa đảm bảo tiến độ giải ngân các dự án; trên cơ sở nội dung Tờ trình của UBND tỉnh, ý kiến thảo luận của các Sở, ngành liên quan và thành viên Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất nội dung đưa vào Nghị quyết như sau:

- Đối với phân bổ vốn đầu tư công năm 2026:
 - + Phân bổ các nhiệm vụ chi cấp tỉnh: 38.794 triệu đồng.
 - + Phân bổ cho các xã, phường, đặc khu: 111.206 triệu đồng
- Đối với phân bổ vốn sự nghiệp năm 2026:

+ Phân bổ cho các nhiệm vụ chi cấp tỉnh: 52.034 triệu đồng

+ Phân bổ cho các xã, phường, đặc khu: 18.200 triệu đồng.

Phương án phân bổ cụ thể như 03 phụ lục kèm theo của Tờ trình của UBND tỉnh.

c) *Về tổ chức thực hiện:* Ban đề nghị UBND tỉnh ngay sau khi nghị quyết của HĐND tỉnh được ban hành khẩn trương chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm việc giao kế hoạch vốn được thực hiện đồng bộ, kịp thời.

Chỉ đạo UBND các xã, phường, đặc khu sớm xây dựng phương án phân bổ chi tiết nguồn vốn được giao, trình HĐND cùng cấp quyết định theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, làm cơ sở tổ chức thực hiện, tránh chậm trễ ảnh hưởng đến tiến độ triển khai Chương trình và giải ngân kế hoạch vốn năm 2026.

Tăng cường theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị được giao thực hiện chương trình cam kết tiến độ thực hiện, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao theo đúng quy định.

3. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ cho thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; mức thưởng theo thành tích thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

3.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

- Ngày 30/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 349/2025/NĐ-CP Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, theo đó: Tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định: “*Các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chi trả tiền...; quy định mức thưởng và chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật*”. Tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định: “*Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Triển khai thực hiện Nghị định này và ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương*”.

- Đồng thời, tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa*

phương tổ chức để thực hiện cho phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực tế và tính chất của từng giải”.

Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: *“a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.*

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị các chính sách của tỉnh đối với huấn luyện viên, vận động viên đang được thực hiện theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định chế độ hỗ trợ đối với nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và chế độ đãi ngộ cho vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 107/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh Quảng Trị lập thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể dục thể thao. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 349/2025/NĐ-CP, nhiều nội dung đã có sự thay đổi, bổ sung; để thực hiện chính sách thống nhất trên địa bàn tỉnh mới và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành thì việc xây dựng nghị quyết thay thế là cần thiết.

Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

3.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung của dự thảo nghị quyết. Dự thảo đã kịp thời cụ thể hóa các quy định của Nghị định số 349/2025/NĐ-CP và Thông tư số 117/2025/TT-BTC; đồng thời tích hợp các chính sách hiện hành của tỉnh về chế độ hỗ trợ, chế độ dinh dưỡng, chế độ đãi ngộ đặc thù, mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên và mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ban nhận thấy, việc ban hành nghị quyết sẽ góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển thể dục, thể thao của tỉnh; bổ sung đầy đủ các chế độ đối với thành viên đội tuyển thể thao quần chúng cấp tỉnh, đội tuyển tham gia giải thể thao cấp tỉnh; nâng mức hỗ trợ, mức thưởng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay; qua đó tạo động lực để huấn luyện viên, vận động viên yên tâm tập luyện, thi đấu, nâng cao thành tích thể thao của tỉnh; đồng thời tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức các giải thi đấu thể thao và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

Về nguồn lực thực hiện, theo Tờ trình của UBND tỉnh, kinh phí thực hiện nghị quyết dự kiến khoảng 9,049 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 1,979 tỷ đồng/năm so với mức chi hiện hành; đối với các năm tổ chức Đại hội Thể dục thể thao tỉnh và tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc, nhu cầu kinh phí khoảng 10,287 tỷ đồng. Nguồn kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; việc thực hiện không làm phát sinh tổ chức bộ máy và biên chế.

Quá trình thẩm tra Ban đã đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung và đã được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa. Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

4. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

4.1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết

Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một: “1. Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một tại địa phương theo thẩm quyền quy định”. Tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định HĐND có nhiệm vụ, quyền hạn: “Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Hiện nay trẻ em là người dân tộc thiểu số ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chủ yếu sử dụng tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt hằng ngày nên khi vào lớp Một còn gặp nhiều khó khăn về sử dụng tiếng Việt, ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu kiến thức, hòa nhập môi trường học tập và chất lượng giáo dục. Mặc dù thời gian qua ngành giáo dục đã chủ động tổ chức dạy tăng cường tiếng Việt trước khi trẻ vào lớp Một, song việc triển khai chủ yếu dựa trên nguồn lực của các cơ sở giáo dục, chưa có cơ chế hỗ trợ thống nhất về kinh phí đối với giáo viên và học sinh, dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tạo cơ sở pháp lý để bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương, hỗ trợ giáo viên trực tiếp giảng dạy và trẻ em là người dân tộc thiểu số tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp Một; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng đồng

bào dân tộc thiểu số, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Trị là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

4.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội có ý kiến như sau: Nội dung dự thảo được xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, bám sát quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm đúng phạm vi điều chỉnh và thẩm quyền của HĐND tỉnh. Các nội dung hỗ trợ tập trung vào hai nhóm chính gồm: hỗ trợ kinh phí mua tài liệu dạy học, học tập và hỗ trợ tiền lương dạy thêm giờ đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy. Mức hỗ trợ được xây dựng trên cơ sở giá tài liệu hiện hành, quy định về chế độ làm việc và chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với giáo viên; tổng kinh phí dự kiến thực hiện trong năm học 2026 - 2027 là hơn 4,3 tỷ đồng, được bảo đảm từ ngân sách cấp tỉnh và bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm phù hợp khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và điều kiện thực tế tại địa phương.

Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn ban hành hướng dẫn cụ thể về quy trình tổ chức dạy học, định mức số tiết, việc mua sắm và cấp phát tài liệu; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhằm bảo đảm chính sách được triển khai đúng mục đích, đúng đối tượng và phát huy hiệu quả.

5. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định mức trợ cấp trẻ em mầm non, hỗ trợ giáo viên mầm non và nhóm trẻ độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị

5.1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết

Theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh: “*l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”. Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước: “... *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ*

phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước.”.

Ngày 08/9/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 105/2020/NĐ-CP về chính sách phát triển giáo dục mầm non, trong đó có quy định các nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, gồm: Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động (tại Điều 5); chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (tại Điều 8); chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (tại Điều 10). Đồng thời, Nghị định giao HĐND cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với các đối tượng này.

Trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 55/2024/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tư thục, giáo viên và trẻ em là con công nhân, người lao động tại địa bàn có khu công nghiệp. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa có chính sách tương tự. Sau khi hợp nhất tỉnh, để bảo đảm thực hiện thống nhất chính sách trên phạm vi toàn tỉnh, tạo điều kiện hỗ trợ phát triển hệ thống giáo dục mầm non ngoài công lập, góp phần chăm lo đời sống cho công nhân, người lao động và thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội thì việc đề nghị xây dựng nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

5.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Qua thẩm tra Ban Văn hóa - Xã hội nhận thấy, dự thảo nghị quyết được xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Nội dung dự thảo nghị quyết đã quy định rõ đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh, nội dung và mức hỗ trợ; kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các địa phương.

Các mức hỗ trợ bao gồm: Đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp 160.000 đồng/trẻ/tháng; đối với giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục trên địa bàn có khu công nghiệp được hỗ trợ 800.000 đồng/giáo viên/tháng; đối với các cơ sở giáo dục đảm bảo quy định được hỗ trợ 50.000.000 đồng (01 lần). Dự kiến ngân sách hàng năm khoảng 574.400.000 đồng.

Qua thẩm tra, Ban đã tham gia ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung. Các nội dung Ban tham gia ý kiến đã được cơ quan trình dự thảo nghị quyết báo cáo giải trình làm rõ và tiếp thu, hoàn thiện trình kỳ họp. Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị

HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn sớm ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết, thống nhất về đối tượng, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục và quy trình tổ chức thực hiện chính sách để các địa phương, cơ sở giáo dục có căn cứ triển khai, bảo đảm chính sách được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng; đồng thời tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm hạn chế tình trạng không thực hiện được hoặc thực hiện nhưng dễ xảy ra sai sót, ngăn ngừa tình trạng lợi dụng, trục lợi chính sách hoặc bỏ sót đối tượng thụ hưởng.

6. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

6.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*l) Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”. Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước: “... *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước.*”.

Ngày 30/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 192/2026/NĐ-CP quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hàng tháng đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và Cô đỡ thôn, bản, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2026, tại khoản 3 Điều 7 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thực tế và khả năng ngân sách của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xác định cụ thể số lượng nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản; quy định cụ thể mức hỗ trợ cụ thể hàng tháng của nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn bản nhưng không thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này*”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện Nghị quyết số 77/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Bình quy định mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản và Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Quảng Bình sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Tuy nhiên, từ ngày 15/7/2026, khi Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành, các nghị quyết nêu trên không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện

hành. Do đó, việc ban hành Nghị quyết mới là cần thiết nhằm kịp thời thay thế các quy định đã hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp, bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chế độ hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn, bản và cô đỡ thôn, bản.

Vì vậy, từ những căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh thấy rằng, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

6.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất về quy định đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh, mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh. Trong đó mức hỗ trợ:

- Nhân viên y tế thôn; cô đỡ thôn, bản làm việc tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã vùng bãi ngang, ven biển theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt được hỗ trợ bằng 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng;

- Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố làm việc tại các thôn, tổ dân phố còn lại được hỗ trợ bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/tháng.

Tổng kinh phí thực hiện chính sách dự kiến khoảng 24.968.064.000 đồng. Ban nhận thấy nguồn kinh phí thực hiện đã được cơ quan soạn thảo tính toán trên cơ sở số lượng đối tượng thụ hưởng và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Quá trình thẩm tra Ban đã đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung và đã được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa. Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

7. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế

7.1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định: “6. Việc ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật được thực hiện như sau: a) Hội đồng nhân dân các cấp ban hành nghị quyết hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính được nhập”.

Qua rà soát cho thấy, hiện nay một số Nghị quyết được HĐND tỉnh Quảng Bình và HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực y tế không còn được áp dụng hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mới sau khi được sáp nhập, gồm:

(1). Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

(2). Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV2 tại các cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế

(3). Nghị quyết số 53/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) Ban hành một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023 - 2025

Trong đó, hai nghị quyết quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 được ban hành trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19, đến nay không còn đối tượng áp dụng do tình hình dịch bệnh đã thay đổi, đồng thời các căn cứ pháp lý làm cơ sở ban hành cũng đã được thay thế. Đối với Nghị quyết số 53/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ), thời gian thực hiện chỉ áp dụng cho giai đoạn 2023 - 2025 và hiện đã kết thúc giai đoạn thực hiện.

Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết để bãi bỏ 3 Nghị quyết trên là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

7.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình phù hợp với các quy định của pháp luật. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản đảm bảo quy định.

Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình đề nghị của UBND tỉnh.

8. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định chính sách thu hút, đãi ngộ và hỗ trợ đào tạo, điều động, chuyển chuyển nguồn nhân lực y tế tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030

8.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Hiện nay, qua báo cáo của Sở Y tế tình trạng thiếu hụt bác sĩ và bố trí đội ngũ bác sĩ giữa các tuyến không đồng đều, nguồn nhân lực trình độ cao đang tập trung chủ yếu ở bệnh viện tuyến tỉnh và các đô thị lớn (phường Đồng Hới, Đông Hà); bệnh viện tuyến khu vực, Trạm y tế và các chuyên khoa đặc thù (Lao, phong, tâm thần, giải phẫu bệnh, truyền nhiễm, hồi sức cấp cứu, lão khoa) đang

thiếu hụt bác sĩ. Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân hiện nay của tỉnh đạt khoảng 11,4 bác sĩ/vạn dân, để thực hiện mục tiêu 13 bác sĩ/vạn dân vào năm 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh thì cần bổ sung tối thiểu 150 bác sĩ⁶. Trong khi đó, công tác thu hút, tuyển dụng bác sĩ vào các cơ sở y tế công lập hiện vẫn gặp nhiều khó khăn⁷, nguy cơ thiếu hụt bác sĩ cục bộ tại nhiều đơn vị, nhất là ở tuyến cơ sở và địa bàn khó khăn rất hiện hữu, ảnh hưởng đến công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

Tại điểm a khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh: “a) *Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật;*”. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: *HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp, chế độ chi ngân sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương*⁸.

Thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 28/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị đã xác định: “*Xây dựng, thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực y tế, chính sách đặc thù thu hút, đào tạo và đãi ngộ nhân lực chất lượng cao ngành y tế tỉnh Quảng Trị, trong đó nghiên cứu có các chính sách vượt trội về lương, phụ cấp, nhà ở, đất ở, đào tạo sau đại học,...* Có chính sách ưu đãi đặc thù đối với đội ngũ nhân viên y tế trực tiếp làm chuyên môn tại trạm y tế cấp xã, cơ sở y tế dự phòng và một số đối tượng đặc thù khác phù hợp với thực tiễn địa phương.”.

Từ những căn cứ và thực tiễn nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

⁶Dự kiến trong giai đoạn 2026 - 2030 các cơ sở y tế công lập có khoảng 56 bác sĩ nghỉ hưu; các cơ sở y tế ngoài công lập dự kiến bổ sung khoảng 100 bác sĩ.

⁷Thực hiện Nghị quyết số 166/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định về chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo đội ngũ viên chức đơn vị sự nghiệp y tế công lập và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ tỉnh giai đoạn 2022 - 2026, sau 4 năm triển khai tỉnh Quảng Trị (cũ) thu hút được 12 bác sĩ (đạt 12% so với kế hoạch đề ra); tỉnh Quảng Bình không ban hành chính sách thu hút bác sĩ trong giai đoạn này.

⁸ Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“1. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;...*”.

- Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “9. *Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:*

l) *Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;*”.

8.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội nhận thấy dự thảo nghị quyết đã bám sát các chủ trương của Trung ương, của Tỉnh ủy, các quy định của pháp luật có liên quan, thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe của Nhân dân trên địa bàn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương để đề xuất 05 nhóm chính sách (chính sách thu hút nhân lực y tế; chính sách đãi ngộ đối với nhân lực y tế; chính sách hỗ trợ đào tạo đối với sinh viên thường trú trên địa bàn tỉnh; chính sách thu hút đối với bác sĩ đã nghỉ hưu; chính sách hỗ trợ điều động, chuyển chuyên ngành giữa các tuyến y tế) nhằm bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bác sĩ tại các cơ sở y tế công lập, góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025 - 2030. Dự kiến nguồn lực thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2026 - 2030 là 198.532 triệu đồng, được ngân sách tỉnh đảm bảo.

Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

Bên cạnh đó, tại kỳ họp này, HĐND tỉnh đồng thời thực hiện việc bãi bỏ Nghị quyết số 166/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ), do đó Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát đối với các trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo sau đại học nhưng chưa hoàn thành chương trình đào tạo và các trường hợp đang theo học sau đại học nhưng do trong quá trình sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền chậm ban hành quyết định cử đi học được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 166/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ), tránh thiệt thòi cho đối tượng.

9. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh

9.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Thời gian qua, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện theo các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước⁹. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy một số nội dung chi phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ hiện chưa được quy định cụ thể về chế độ, định mức và cơ chế thực hiện, đặc biệt là các khoản chi phục vụ khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ chuyên gia, nhân viên y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ thuộc

⁹Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 200-QĐ/TW ngày 15/6/2026 về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý; Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Quy định số 305-QĐ/TU ngày 31/12/2025 quy định công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, tạo cơ sở quan trọng cho việc tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn.

diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Điều này dẫn đến khó khăn trong quá trình lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí.

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh: “a) *Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật;*”. Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: *HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp, chế độ chi ngân sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương.* Đồng thời Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương xây dựng chính sách đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh (tại Thông báo số 325-TB/TU ngày 06/6/2026); đối tượng thụ hưởng chính sách phù hợp với Quy định số 606/QĐ-TU ngày 14/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

Trên cơ sở quy định của pháp luật và chủ trương của cấp có thẩm quyền, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

9.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với các quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy về đối tượng được hưởng chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe định kỳ; có sự kế thừa các mức chi ngân sách chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ diện Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý của 2 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị trước sáp nhập và khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách địa phương. Dự kiến nguồn lực thực hiện nghị quyết hằng năm là 11.106 triệu đồng, được ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện.

Trong quá trình xây dựng, thẩm tra cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, giải trình làm rõ các vấn đề liên quan đến dự thảo nghị quyết; dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

10. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

10.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Hiện nay, quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND

ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, thời gian qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có nhiều thay đổi (Như Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành). Do đó, một số nội dung, định mức chi tại Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, nhất là các quy định mới về đổi mới sáng tạo.

Tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định: *“Căn cứ định mức quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý, phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này”*.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

10.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Nội dung dự thảo nghị quyết đã viện dẫn đầy đủ căn cứ pháp lý, phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng; các nội dung chi và mức chi đã bám sát quy định và đảm bảo không vượt quá mức chi đã được quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN. Nguồn kinh phí thực hiện nghị quyết do ngân sách tỉnh đảm bảo từ nguồn chi sự nghiệp khoa học công nghệ; các cơ quan, đơn vị bố trí để thực hiện tại cơ quan, đơn vị, không phát sinh số lượng nhân viên hàng năm và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Quá trình thẩm tra, các ý kiến thẩm tra đã được cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, tiếp thu. Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

11. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

11.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định chủ trương: *“Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự*

giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số”. Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định: “Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này”.

Để thể chế hóa chủ trương, định hướng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và quy định của pháp luật tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, việc ban hành nghị quyết góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; bảo đảm sử dụng ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

11.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Nội dung dự thảo nghị quyết đã viện dẫn đầy đủ căn cứ pháp lý, phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng; các nội dung chi và mức chi đã bám sát quy định và đảm bảo không vượt quá mức chi đã được quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN. Nguồn kinh phí thực hiện nghị quyết do ngân sách tỉnh đảm bảo từ nguồn chi sự nghiệp khoa học công nghệ; các cơ quan, đơn vị bố trí để thực hiện tại cơ quan, đơn vị, không phát sinh số lượng nhân viên hàng năm và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Quá trình thẩm tra, các ý kiến thẩm tra đã được cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, tiếp thu. Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

12. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2026 phân bổ cho các dự án khởi công mới lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

12.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Trên cơ sở nguồn vốn được giao tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh, trong đó năm 2026 tổng nguồn vốn lĩnh vực Khoa học công nghệ và chuyển đổi số cấp tỉnh quản lý là 122,5 tỷ đồng¹⁰ (3% nguồn đầu tư phát triển năm 2026), tuy nhiên danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án chưa được phân bổ chi tiết. Trên cơ sở kết quả rà soát của các cơ quan chuyên môn theo tiêu chí, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua danh mục 25 dự án. Thực hiện điểm a khoản 7 và khoản 8 Điều 60 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 quy định:

“7. Việc giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương thực hiện như sau:

a) Tại kỳ họp cuối năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án;

8. ...Đối với kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm đầu tiên của giai đoạn sau, căn cứ vào dự toán chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.”

Tại khoản 3, điều 88 Luật Đầu tư công về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp quy định: *“3. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.”*

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2026 phân bổ cho các dự án khởi công mới lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

12.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Nội dung tờ trình và dự thảo nghị quyết đã trình bày sự cần thiết, khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn, tiêu chí nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án, theo đó có 01 dự án về khoa học công nghệ và 24 dự án về chuyển đổi số nhằm triển khai thực hiện mạnh mẽ các chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch số 09-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất với dự thảo nghị quyết, đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

¹⁰Bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp của giai đoạn 2021-2025 là 14 tỷ đồng cho dự án Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao; còn lại 108,5 tỷ đồng, phân bổ cho các dự án khởi công mới năm 2026.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các dự án để đảm bảo giải ngân kịp thời nguồn vốn được bố trí trong năm 2026; quan tâm ưu tiên bố trí nguồn vốn cho “*Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin để triển khai bệnh án điện tử tại các Trạm y tế*”, bảo đảm hoàn thành lộ trình thực hiện bệnh án điện tử từ ngày 01/01/2027¹¹. Bên cạnh đó, do đây là lĩnh vực đầu tư công có tính đặc thù về chuyên môn, đề nghị yêu cầu các chủ đầu tư chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư, thực hiện rà soát để tránh trùng lặp gây lãng phí trong đầu tư; đồng thời cân nhắc việc bố trí vốn đối với các dự án thuộc ngành, lĩnh vực đang có định hướng dự kiến sáp nhập, giải thể tránh lãng phí nguồn vốn.

13. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng và mức thăm, tặng quà cho người có công, thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhân dịp Tết Nguyên đán và Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) hằng năm

13.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Việc thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán và Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) hằng năm thể hiện sự quan tâm sâu sắc của cấp ủy, chính quyền đối với những hy sinh, cống hiến của người có công và thân nhân người có công với cách mạng¹².

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: *HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp, chế độ chi ngân sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương*. Căn khoản 2 Điều 45 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 quy định:

“2. Ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây:

đ) Chi thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng và gia đình nhân dịp lễ, tết;

g) Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng do địa phương ban hành.”

Để kịp thời ban hành nghị quyết quy định đối tượng và mức thăm, tặng quà cho người có công, thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhân dịp Tết Nguyên đán và Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) hằng

¹¹Tại Quyết định số 586/QĐ-BYT ngày 09/3/2026 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc năm 2026, theo đó toàn bộ bệnh viện sẽ chấm dứt sử dụng bệnh án giấy từ ngày 01/01/2027 và được thay bằng bệnh án điện tử.

¹²Quảng Trị là tỉnh có số lượng người có công lớn, hiện tại toàn tỉnh có 34.102 người có công và thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, với số tiền chi trả 103.036 triệu đồng/tháng.

năm áp dụng cho tỉnh Quảng Trị hiện nay theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời thay thế Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình¹³ sẽ hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực. Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

13.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Dự thảo nghị quyết có sự kế thừa một số chính sách trước đây tỉnh Quảng Bình đã thực hiện (thăm tặng quà người có công và thân nhân người có công với cách mạng) và bổ sung thêm 02 nhóm đối tượng gồm: Thân nhân hoặc người thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã tử trận và Lãnh đạo tỉnh thăm các đơn vị, cá nhân vào dịp Tết Nguyên đán và Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7. Dự kiến nguồn lực thực hiện nghị quyết hằng năm là 35 tỷ đồng, được ngân sách tỉnh đảm bảo, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh. Quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết cơ quan soạn thảo đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

Bên cạnh đó, tại kỳ họp này, HĐND tỉnh tiến hành bãi bỏ một số nội dung liên quan đến đối tượng và mức thăm, tặng quà cho người có công, thân nhân người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán và Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) hằng năm quy định tại Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình; riêng đối tượng hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trước sáp nhập vẫn tiếp tục được hưởng chế độ thăm tặng quà theo quy định tại Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành nghị quyết thay thế. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội đề nghị UBND tỉnh sớm chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu ban hành nghị quyết mới để áp dụng cho tỉnh Quảng Trị hiện nay hoặc bãi bỏ nghị quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về chính sách thực hiện Chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

14.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Thực hiện chủ trương của các cấp có thẩm quyền về triển khai chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Công văn số 270/TTG-KGVX ngày 21/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo 276/TB-VPCP ngày 30/5/2026, Thông báo 330/TB-VPCP ngày 25/6/2026 và Công văn số 6660/VPCP-KGVX

¹³Trước đây, tỉnh Quảng Bình đã ban hành Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 quy định đối tượng và mức thăm, tặng quà cho người có công, thân nhân người có công với cách mạng và hộ nghèo trên địa bàn tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán và Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) hằng năm.

ngày 09/7/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 680-CV/VPTU ngày 25/3/2026. Việc triển khai thực hiện chính sách trên nhằm thể hiện sự quan tâm, chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của người có công, thân nhân người có công với cách mạng, đặc biệt là đối tượng con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh: “a) *Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật;*”. Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp, chế độ chi ngân sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

14.2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 361 đối tượng thuộc diện được hỗ trợ theo đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó có 182 trường hợp được xây mới và 179 trường hợp sửa chữa. Về mức hỗ trợ xây mới 100 triệu/trường hợp; sửa chữa là 50 triệu/trường hợp; tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ để thực hiện việc xây mới và sửa chữa 27,15 tỷ đồng. Nguồn kinh phí hỗ trợ được đảm bảo từ nguồn ngân sách trung ương (Quỹ ngày vì người nghèo của Ủy ban trung ương MTTQVN), ngân sách tỉnh, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chỉ đạo tổ chức khởi công xây mới, sửa chữa nhà ở cho con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra; bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách tỉnh và các nguồn khác đảm bảo hoàn thành mục tiêu Chương trình đề ra.

15. Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chế độ thăm hỏi; hỗ trợ ốm đau, khó khăn; phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh

15.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Quảng Trị mới tiếp tục thực hiện các chính sách thăm hỏi, động viên, tri ân đối với cán bộ đương chức, cán bộ nghỉ hưu diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh và thân nhân cán bộ khi ốm đau, từ trần, gặp hoàn cảnh khó khăn đột xuất hoặc khi nghỉ hưu, chuyển công tác. Tuy nhiên, việc thực hiện chủ yếu dựa trên các quy định nội bộ, chưa có văn bản quy định chung, thống nhất về đối tượng, nội dung hỗ trợ, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện nên gặp nhiều khó khăn trong việc lập, thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí.

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh: “a) *Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật;*”. Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp, chế độ chi ngân sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Trên cơ sở quy định của pháp luật và ý kiến của cấp có thẩm quyền¹⁴, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

15.2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Trên cơ sở các quy định của Đảng và Nhà nước về phân cấp quản lý cán bộ, dự thảo nghị quyết đã quy định cụ thể đối tượng, nội dung và mức chi để tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong tổ chức thực hiện, và bố trí đảm bảo kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các chế độ: thăm hỏi nhân dịp Tết nguyên đán đối với cán bộ đã nghỉ hưu; thăm hỏi, tặng quà tri ân đối với cán bộ nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; thăm hỏi khi ốm đau, khó khăn đột xuất; tổ chức phúng viếng khi từ trần đối với cán bộ, thân nhân cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Dự kiến nguồn lực thực hiện Nghị quyết hằng năm là 4.307 triệu đồng, được ngân sách tỉnh đảm bảo.

Dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo xây dựng đầy đủ các thủ tục về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, Ban Văn hóa - Xã hội thống nhất đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết như tờ trình của UBND tỉnh.

¹⁴Thông báo số 325-TB/TU, ngày 17/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- Lưu: VHXH, VT.



**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Mai